

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 07/28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THẾ VINH

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh:	2099	397	331	422	480	469
II	Số học sinh học 2 buổi/ ngày	2099	397	331	422	480	469
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	Xem phụ lục đính kèm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	Xem phụ lục đính kèm					
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99,8%	99%	100%	100%	100%	100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	96,4%	84,6%	89,4%	80,9%	75%	95%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0,2%	0%	0%	0,0%	0,1%	0,1%
2	Ở lại lớp	0,2 %	0,1 %	0 %	0%	0%	0%

Quận 7, ngày 30 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trương Vĩnh Phương

8. <i>Nghệ thuật (Mỹ thuật)</i>	1630	1,630	397	189	14	6		13	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành tốt		1,616	384	187	14	6		8	330	186	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành		14	13	2				5	1	1																
Chưa hoàn thành																										
9. <i>Hoạt động trải nghiệm</i>	1630	1,630	397	189	14	6		13	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành tốt		1,610	379	186	13	5		4	329	186	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành		20	18	3	1	1		9	2	1																
Chưa hoàn thành																										
10. <i>Giáo dục thể chất</i>	1630	1,630	397	189	14	6		13	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành tốt		1,588	361	184	13	6		7	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	474	243	13	5		7
Hoàn thành		42	36	5	1			6												6						
Chưa hoàn thành																										
11. <i>TH-CN (Công nghệ)</i>	902	902													422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành tốt		893													417	221	3	1		2	476	242	12	5		6
Hoàn thành		9													5	1				1	4	1	1			1
Chưa hoàn thành																										
12. <i>TH-CN (Tin học)</i>	1630	1,233							331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành tốt		1,153							326	187	8	4		2	367	201	2	1		1	460	233	13	5		5
Hoàn thành		80							5					1	55	21	1			2	20	10				2
Chưa hoàn thành																										
13. <i>Ngươi ngữ</i>	1630	1,630	397	189	14	6		13	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Hoàn thành tốt		1,423	347	178	12	5		5	288	166	7	3		2	385	212	2	1		1	403	218	10	5		3
Hoàn thành		204	50	11	2	1		8	43	21	1	1		1	36	9	1			2	75	24	3			4
Chưa hoàn thành		3													1	1					2	1				
14. <i>Tiếng dân tộc</i>																										
Hoàn thành tốt																										
Hoàn thành																										
Chưa hoàn thành																										
II. <i>Năng lực cốt lõi</i>																										
<i>Năng lực chung</i>																										
<i>Tự chủ và tự học</i>	1630	1,630	397	189	14	6		13	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Tốt		1,552	376	181	13	5		6	323	185	8	4		3	404	217	3	1		2	449	237	12	5		3
Đạt		75	18	8	1	1		7	8	2					18	5				1	31	6	1			4
Cần cố gắng		3	3																							
<i>Giáo tiếp và hợp tác</i>	1630	1,630	397	189	14	6		13	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Tốt		1,572	377	181	13	5		6	320	179	8	4		2	418	221	3	1		2	457	240	12	5		3
Đạt		56	18	8	1	1		7	11	8				1	4	1				1	23	3	1			4
Cần cố gắng		2	2																							
<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	1630	1,630	397	189	14	6		13	331	187	8	4		3	422	222	3	1		3	480	243	13	5		7
Tốt		1,548	373	182	13	5		6	318	179	8	4		2	398	214	3	1		1	459	239	12	5		3

[illegible]

[illegible]

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	TH Lương Thế Vinh

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập								
1. Tiếng Việt	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành tốt		465	465	234	7	3		
Hoàn thành		4	4					
Chưa hoàn thành								
2. Toán	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành tốt		457	457	228	7	3		
Hoàn thành		12	12	6				
Chưa hoàn thành								
3. Đạo đức	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành tốt		469	469	234	7	3		
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
4. Khoa học	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành tốt		467	467	233	7	3		
Hoàn thành		2	2	1				
Chưa hoàn thành								
5. LS &ĐL	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành tốt		462	462	230	7	3		
Hoàn thành		7	7	4				
Chưa hoàn thành								
6. Âm nhạc	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành tốt		459	459	232	7	3		
Hoàn thành		10	10	2				
Chưa hoàn thành								
7. Mĩ thuật	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành tốt		469	469	234	7	3		

Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
8. Thủ công, Kỹ thuật	469	469	469	234	7	3	
Hoàn thành tốt		469	469	234	7	3	
Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
9. Thể dục	469	469	469	234	7	3	
Hoàn thành tốt		467	467	234	7	3	
Hoàn thành		2	2				
Chưa hoàn thành							
10. Ngoại ngữ	469	469	469	234	7	3	
Hoàn thành tốt		393	393	194	5	2	
Hoàn thành		76	76	40	2	1	
Chưa hoàn thành							
11. Tin học	469	469	469	234	7	3	
Hoàn thành tốt		454	454	230	6	3	
Hoàn thành		15	15	4	1		
Chưa hoàn thành							
12. Tiếng dân tộc							
Hoàn thành tốt							
Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
II. Năng lực							
Tự phục vụ tự quản	469	469	469	234	7	3	
Tốt		469	469	234	7	3	
Đạt							
Cần cố gắng							
Hợp tác	469	469	469	234	7	3	
Tốt		469	469	234	7	3	
Đạt							
Cần cố gắng							
Tự học và giải quyết vấn đề	469	469	469	234	7	3	
Tốt		467	467	233	7	3	
Đạt		2	2	1			
Cần cố gắng							
III. Phẩm chất							
Chăm học chăm làm	469	469	469	234	7	3	
Tốt		469	469	234	7	3	

Đạt								
Cần cố gắng								
Tự tin trách nhiệm	469	469	469	234	7	3		
Tốt		469	469	234	7	3		
Đạt								
Cần cố gắng								
Trung thực kỷ luật	469	469	469	234	7	3		
Tốt		469	469	234	7	3		
Đạt								
Cần cố gắng								
Đoàn kết yêu thương	469	469	469	234	7	3		
Tốt		469	469	234	7	3		
Đạt								
Cần cố gắng								
IV. Khen thưởng		494	494	246	9	5		
- Giấy khen cấp trường		447	447	224	7	3		
- Giấy khen cấp trên		47	47	22	2	2		
V. HSDT được trợ giảng								
VI. HS.K.Tật								
VII. HS bỏ học kỳ II								
+ Hoàn cảnh GDKK								
+ KK trong học tập								
+ Xa trường, đi lại K.khẩn								
+ Thiên tai, dịch bệnh								
+ Nguyên nhân khác								
VIII. Chương trình lớp học	469	469	469	234	7	3		
Hoàn thành	469	469	469	234	7	3		
Chưa hoàn thành								

